

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI
Bản án số: 53/2018/HS-PT
Ngày: 23-5-2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**
 - **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Trần Thị Bé.
 - **Các Thẩm phán:** Ông Nguyễn Văn Năm.
Bà Phạm Thị Thu Phương.
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Quảng Ninh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Ông Lương Thanh Tú – Kiểm sát viên

Trong ngày 23 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 44/2018/TLPT-HS ngày 09/02/2018 đối với bị cáo Lê Thị L, do có kháng cáo của bị cáo Lê Thị L đối với bản án hình sự sơ thẩm số 05/2017/HS-ST ngày 29/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Họ và tên bị cáo: Lê Thị L; sinh năm 1952, tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: thôn H, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: làm công; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới Th: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông L (Chết) và bà B (Chết); Có chồng là T và có 04 con, lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/7/2017 đến ngày 23/10/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh; bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa;

Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị L: Ông Nguyễn Công T, Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn Công T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi; có mặt tại phiên tòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 17/7/2017, Nguyễn Chánh T (sinh năm 1990, trú tại ấp 1, xã T, huyện L, tỉnh Đ) điện thoại cho Nguyễn Tấn N để mua ma túy đá thì được N đồng ý và hai bên thống nhất giao hàng tại nhà nghỉ Y thuộc thôn C, xã B, huyện B. Sau khi các bên đã thỏa thuận xong, Nguyễn Tấn N điện thoại cho Lê Thị L (là bà ngoại của Nguyễn Tấn N) hỏi còn ma túy không để bán thì Lê Thị L nói N đến nhà L mà lấy.

Nguyễn Tấn N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 76C1-09878 đến nhà Lê Thị L ở thôn H, xã B, huyện B. Khi đến nhà Nguyễn Tấn N đưa cho Lê Thị L 1.000.000 đồng, L lấy 5 tép ma túy đá được gói trong một tờ giấy trắng, loại giấy vở học sinh đưa cho N.

Sau khi mua 5 tép ma túy đá, Nguyễn Tấn N về nhà cất giấu 1 tép ma túy, số còn lại khoảng 12 giờ cùng ngày, N đến nhà nghỉ Ý Nguyễn để giao cho Nguyễn Chánh T nhưng chưa kịp giao ma túy thì bị cơ quan Công an bắt quả tang.

Trong quá trình điều tra, Nguyễn Tấn N khai ngoài lần bắt quả tang còn bán ma túy đá cho Nguyễn Chánh T 02 lần.

Lần thứ nhất: Vào ngày Nguyễn Tấn N không nhớ rõ cụ thể nhưng cách ngày Nguyễn Tấn N bị Cơ quan Công an bắt (ngày 17/7/2017) khoảng từ 10 đến 15 ngày, lúc này khoảng 10-11 giờ Nguyễn Tấn N đang ở nhà thì Nguyễn Chánh T điện thoại hỏi mua 500.000 đồng tiền ma túy đá thì N đồng ý bán. Sau đó, Nguyễn Tấn N điện thoại hỏi Lê Thị L có ma túy đá không thì bán cho N 500.000 đồng thì L nói qua nhà L lấy. Sau khi lấy ma túy đá từ nhà L, Nguyễn Tấn N về nhà dùng kéo cắt tép ma túy ra và trích lại một ít để sử dụng. Nguyễn Tấn N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 76C1-XXXX đem giao cho Nguyễn Chánh T tại nhà nghỉ Y số ma túy trên với giá 500.000 đồng. Sau khi nhận tiền, Nguyễn Tấn N về nhà và sử dụng hết số ma túy cất tại nhà.

Lần thứ hai: Vào ngày Nguyễn Tấn N không nhớ rõ cụ thể nhưng cách ngày Nguyễn Tấn N bị Cơ quan Công an bắt (ngày 17/7/2017) khoảng từ 05 đến 07 ngày, lúc này khoảng 13-14 giờ Nguyễn Tấn N đang ở nhà thì Nguyễn Chánh T điện thoại hỏi mua 400.000 đồng tiền ma túy đá thì N đồng ý và hẹn T đến nhà mình để lấy ma túy. Sau đó, Nguyễn Tấn N điện thoại hỏi Lê Thị L có ma túy đá không thì bán cho N 400.000 đồng thì L nói qua nhà L lấy. Sau khi lấy ma túy đá từ nhà L, Nguyễn Tấn N về nhà dùng kéo cắt tép ma túy ra và trích lại một ít để sử dụng. Nguyễn Tấn N khèn kín tép ma túy này lại bỏ vào bao thuốc lá và đi ra đường thì thấy Nguyễn Chánh T đang đứng ở phía trên đường cách nhà mình khoảng 3 căn. Nguyễn Tấn N đến và Nguyễn Chánh T đưa cho N 400.000 đồng. Nguyễn Tấn N nhận tiền của T và bỏ bao thuốc ngửa trắng xuống đất chỉ cho T mang về. Sau khi giao cho T xong, Nguyễn Tấn N về nhà và sử dụng hết số ma túy đã trích lại từ tép ma túy vừa giao cho Nguyễn Chánh T.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Tấn N, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B phát hiện một túi nilon, bên trong tinh thể màu trắng.

Tại cơ quan điều tra, Lê Thị L khai nhận đã bán ma túy cho Nguyễn Tấn N tổng cộng là 03 lần với tổng cộng 07 tép ma túy đá với số tiền 1.900.000 đồng.

Ngày 20/7/2017, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi có kết luận giám định tại công văn số 758/KLGD-PC54 như sau:

Chất rắn dạng tinh thể màu trắng bên trong phong bì thứ nhất gửi giám định có trọng lượng là 0,46g; có Methamphetamine; hàm lượng 68,8%. Do vậy, trọng lượng Methamphetamine có trong 0,46 gam mẫu gửi giám định là 0,316 gam.

Chất rắn dạng tinh thể màu trắng bên trong phong bì thứ hai gửi giám định có trọng lượng là 0,8g; có Methamphetamine; hàm lượng 67%. Do vậy, trọng lượng Methamphetamine có trong 0,8 gam mẫu gửi giám định là 0,536 gam.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 05/2017/HSST ngày 29/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi quyết định:

Tuyên bố: Lê Thị L phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 33 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị L 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù Th từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án và được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/7/2017 đến ngày 23/10/2017.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên phạt bị cáo bị cáo Nguyễn Tấn N 07 (bảy) năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 09/01/2018, bị cáo Lê Thị L có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Thị L vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phúc thẩm về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Thị L về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng Th chất, mức độ, hành vi phạm tội; nhân thân bị cáo; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để tuyên phạt bị cáo Lê Thị L 07 năm 03 tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” là phù hợp, không nặng. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không cung cấp tình tiết nào mới để Hội đồng xét xử xem xét. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị L. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 05/2017/HS-ST ngày 29/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Luận cứ bào chữa của Luật sư Nguyễn Công T cho bị cáo Lê Thị L: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Thị L về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính; hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, thường xuyên bị đau ốm; chồng của bị cáo là ông Trần Anh già yếu không có khả năng lao động; phạm tội do trình độ lạc hậu; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm Điều 47, Điều 60 Bộ luật hình sự. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị L, giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Thị L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B đã tuyên xử. Lời khai nhận tội của bị cáo Lê Thị L phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong quá trình quét dọn nhà bị cáo phát hiện 07 tép ma túy của anh Trần V (anh V là con ruột của bị cáo Lê Thị L bị nghiện ma túy) nên bị cáo đem cất giấu số ma túy trên tại nhà, mục đích để bán cho các đối tượng nghiện lấy tiền chi tiêu, sinh hoạt trong gia đình và nuôi các cháu ăn học. Từ đầu tháng 7/2017 đến ngày 17/7/2017, Lê Thị L đã 03 lần bán ma túy cho bị cáo Nguyễn Tấn N để N sử dụng và một phần mang bán lại cho anh Nguyễn Chánh T thu lợi bất chính số tiền 1.900.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Thị L về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” với tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội nhiều lần*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo Lê Thị L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo với lý do hoàn cảnh bị cáo khó khăn; thường xuyên bị đau ốm; chồng của bị cáo là ông Trần Anh già yếu không có khả năng lao động; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội do trình độ lạc hậu. Xét kháng cáo của bị cáo Lê Thị L, thì thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Khi quyết định hình phạt cho bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người cao tuổi, thường xuyên đau ốm; hoàn cảnh gia đình khó khăn; đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự để tuyên phạt bị cáo Lê Thị L 07 năm 03 tháng tù là cần thiết, không nặng. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo nhưng không cung cấp tình tiết nào mới, ngoài ra những lý do kháng cáo mà bị cáo nêu ra đã được cấp sơ thẩm xem xét và áp dụng đầy đủ cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử

không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị L. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 05/2017/HS-ST ngày 29/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Đề nghị của Luật sư không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Bị cáo Lê Thị L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị L. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 05/2017/HS-ST ngày 29/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 33 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị L 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo tạm giam 23/5/2018 và được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/7/2017 đến ngày 23/10/2017.

Căn cứ khoản 3 Điều 347 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 bắt tạm giam bị cáo Lê Thị L ngay tại phiên tòa để thi hành án.

2. Bị cáo Lê Thị L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 – Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, TAND huyện B;
- Công an huyện B;
- THA dân sự huyện B;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Bé